

Tuần 3: KẾ HOẠCH BÀI DẠY
Bài 1: LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH
VĂN BẢN 2: SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

Thời lượng: 2 tiết

I. Tìm hiểu chung:

1. Thể loại:

- Truyền thuyết địa danh: Loại truyền thuyết giải thích nguồn gốc lịch sử của một địa danh.

- *Sự tích Hồ Gươm* - truyền thuyết tiêu biểu về hồ Hoàn Kiếm và về Lê Lợi.

2. Đọc- kể tóm tắt

-Ngôi kể: ngôi thứ ba

- PTBD: tự sự

3. Bố cục: 2 phần

- P1: Từ đầu đến *đất nước*: Long Quân cho nghĩa quân mượn gươm thần.

- P2: Còn lại: Long Quân đòi lại gươm thần.

II. Tìm hiểu chi tiết:

1. Long Quân cho mượn gươm:

- Hoàn cảnh: Giặc Minh đô hộ. Nghĩa quân Lam Sơn còn yếu nên đã nhiều lần bị thua ->Long Quân cho mượn gươm.

- Thanh gươm thần kì là tượng trưng cho sức mạnh của toàn dân tham gia đánh giặc.

2. Long Quân đòi lại gươm :

- Hoàn cảnh:

+ Đất nước, nhân dân đã đánh đuổi được giặc Minh.

+ Lê Lợi lên ngôi vua, nhà Lê dời đô về Thăng Long.

- Ý nghĩa chi tiết rùa vàng đòi gươm:

- + Giải thích tên gọi của hồ Hoàn Kiếm
- + Đánh dấu và khẳng định chiến thắng hoàn toàn của nghĩa quân Lam Sơn.
- + Phản ánh tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân ta. Giờ đây thứ mà muôn dân Đại Việt cần hơn là cày, cuốc, là cuộc sống lao động dựng xây đất nước. Trảm gương có ý nghĩa là gương vẫn còn đó, hàm ý cảnh giác cao độ, răn đe kẻ thù.

III. Tổng kết

1. Nội dung – Ý nghĩa:

* *Nội dung*: Truyện giải thích nguồn gốc tên gọi Hồ Hoàn Kiếm, ca ngợi cuộc kháng chiến chính nghĩa chống giặc Minh do Lê Lợi lãnh đạo đã chiến thắng vẻ vang.

* *Ý nghĩa*: Truyện khẳng định ý nguyện đoàn kết, khát vọng hòa bình của dân tộc ta.

b. Nghệ thuật

- Kết cấu chặt chẽ, hấp dẫn
- Các chi tiết tượng tượng kì ảo nhiều ý nghĩa.

***HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

2. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

3. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Trong truyền thuyết Sự tích Hồ Gươm, đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn vật gì?

- A. Thanh gươm thần.
- B. Chiếc nỏ thần.
- C. Bản đồ chỉ dẫn vào doanh trại quân giặc.
- D. Lá cờ thêu sáu chữ vàng.

Câu 2: Chi tiết Lê Lợi được trao gươm báu trong truyện Sự tích Hồ Gươm thể hiện:

- A. Lê Lợi là người "nhà Trời" được cử xuống giúp dân ta đánh giặc.
- B. Tính chất chính nghĩa, hợp lòng dân, ý trời của cuộc khởi nghĩa
- C. Niềm tin vững chắc của nhân dân ta đối với sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa.
- D. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn được sự giúp đỡ, phù trợ của thánh thần.

Câu 3: Nhân vật nào trong truyền thuyết nhận được thanh gươm đầu tiên?

- A. Lê Lợi.
- B. Lê Lai.
- C. Nguyễn Trãi.
- D. Lê Thận.

Câu 4: Sau khi nhận được báu vật của đức Long Quân, uy thế của nghĩa quân như thế nào?

- A. Mạnh lên gấp bội và đuổi được quân xâm lược ra khỏi bờ cõi.
- B. Ngày một tăng, đánh thắng nhiều trận, làm cho quân xâm lược hoang mang.
- C. Không có nhiều thay đổi do không có người biết sử dụng.
- D. Yếu hơn so với lúc chưa có báu vật.

Câu 5: Khẳng định truyện Sự tích Hồ Gươm là một truyền thuyết vì:

- A. Câu chuyện kể về hoạt động của Lê Lợi và nghĩa quân trong quá trình khởi nghĩa.
- B. Câu chuyện kể về Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa chống quân Minh được kể lại bằng trí tưởng tượng, bằng sự sáng tạo lại hiện thực lịch sử.
- C. Câu chuyện ghi chép hiện thực lịch sử cuộc kháng chiến chống quân Minh.

D. Câu chuyện được sáng tạo nhờ trí tưởng tượng, hư cấu vô cùng phong phú của tác giả dân gian

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi

TRI THỨC TIẾNG VIỆT VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC, TỪ LÁY VÀ TỪ GHÉP

(Thời lượng: 2 tiết)

I. Từ đơn và từ phức:

1. Từ đơn

Từ đơn là từ chỉ có một tiếng,

2. Từ phức (từ ghép, từ láy)

- Từ phức là từ có hai hay nhiều tiếng.

- Từ ghép là từ phức do hai hay nhiều tiếng có quan hệ về nghĩa với nhau tạo thành.

+ Từ láy là từ phức do hai hay nhiều tiếng có âm đầu hoặc vần (hoặc cả âm đầu và vần) giống nhau tạo thành.

II. Thành ngữ:

Là một tập hợp từ cố định, quen dùng. Nghĩa của thành ngữ thường là nghĩa của cả tập hợp từ, thường có tính hình tượng và biểu cảm.

III. Luyện tập:

Bài 1/ trang 27:

Từ đơn	Từ phức
vùng, dãy, một, cái, bỗng, biến, thành, một, mình, cao, hơn, trượng, bước, lên, võ, vào, ngựa, hí, dài, mấy, tiếng, mặc, cầm, roi, nhảy, lên, mình, ngựa.	chú bé, tráng sĩ, oai phong, lẫm liệt, vang dội, áo giáp.

Bài 2/ trang 27:

Từ phức	
Từ ghép	Từ láy
giã thóc, giần sàng, bắt đầu, dự thi, nồi com, cánh cung, dây lưng.	nho nhỏ, khéo léo.

Bài 3/ trang 28: Tạo các từ ghép

- a. con ngựa, ngựa đực
- b. ngựa sắt, sắt thép
- c. kì thi, thi đua
- d. áo quần, áo giáp, áo dài

Bài 4/ trang 28: Tạo các từ láy

- a. nho nhỏ, nhỏ nhắn
- b. khoẻ khoắn
- c. óng ánh (từ láy đặc biệt, vì cùng vắng khuyết phụ âm đầu).

Bài 5/ trang 28:

Nếu thay từ “thoăn thoắt” bằng từ “nhanh chóng” thì chỉ giúp người đọc hình dung được mức độ tham gia hoạt động (ngay lập tức tham gia) của người dự thi, không hình dung được động tác của người dự thi (nhanh nhẹn và dứt khoát).

Bài 6/ trang 28:

Nếu dùng từ “khéo” thay cho từ “khéo léo” trong câu văn trên thì độ “khéo” sẽ giảm xuống vì từ láy “khéo léo” giúp ta hình dung được sự việc một cách rõ ràng hơn, cho thấy kinh nghiệm và tài năng của các đội thi khi treo những niêu com để dự thi.

Bài 7/ trang 28

Đáp án: 1c, 2đ, 3d, 4b, 5a

Bài 8/ trang 28: Hs tự đặt câu vào vở BT.**Bài 9/trang 28:**

- a. Nước chảy đá mòn, nước mặn đồng chua.
- b. Nằm gai nệm mật, mật ngọt chết ruồi.
- c. Ngựa quen đường cũ, ngựa non háu đá.
- d. Nhặt như nước ốc.

Viết ngắn: trang 29:

Đoạn văn tham khảo

Trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc, đã có bao kẻ thù lăm le xâm chiếm bờ cõi. Chúng áp bức đô hộ, khiến cuộc sống của nhân dân ta vô cùng khổ cực. Thế nhưng, dân tộc ta chưa bao giờ chịu khuất phục. Những người anh hùng như Thánh Gióng luôn sẵn sàng ra trận để chiến đấu chống lại kẻ thù. Những chủ tướng như Lê Lợi dù trải qua nhiều thất bại nhưng vẫn quyết tâm, giữ vững ý chí chiến đấu vì độc lập của dân tộc. Không những vậy, cha ông ta đã *nằm gai nệm mật*, vượt qua mọi gian khổ, cùng nhau đoàn kết, kiên cường chống lại kẻ thù. Điều đó được minh chứng qua chiều dài lịch sử.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

BÁNH CHUNG, BÁNH GIÀY

(Thời lượng: 0,5 tiết)



I. Tìm hiểu chung

1/ Truyện truyền thuyết

1. 1: Cốt truyện

- Thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ
- Thường sử dụng dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật
- Cuối truyện thường gọi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến

1. 2: *Nhân vật*

- Thường có những đặc điểm khác lạ về tài năng, lai lịch, phẩm chất
- Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn với cộng đồng
- Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ

II. Viết ngắn

- Đọc bài
- Nhận xét và rút kinh nghiệm.

Phiếu học tập

Đặc điểm cốt truyện truyền thuyết qua truyện Bánh chưng, bánh giầy

Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện
a. Thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ	
b. Thường sử dụng dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật	
Cuối truyện thường gọi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến	

Đặc điểm nhân vật truyền thuyết qua truyện Bánh chưng, bánh giầy

Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện
a. Thường có những đặc điểm khác lạ về tài năng, lai lịch, phẩm chất	
b. Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn với cộng đồng	
c. Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ	